TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2025
"Về việc: Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Thông và ông Nguyễn Duy Chấn.

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Thế Toàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà: Bà Niê Đoan Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2025/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15B/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.
(Có mặt).
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Đức A đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2014, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Chị T và anh Đức A kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đức A không quan tâm chăm sóc vợ, con; vợ chồng không hiểu nhau, không có sự tôn trọng nên cuộc sống không hòa hợp. Nhiều lần chị T cố gắng bỏ qua để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cuộc sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay chị T và anh Đức A đang sống ly thân, chị T không còn tình cảm với anh Đức A nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Đức A có 02 con chung là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 30/5/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/02/2018. Chị T có nguyện vọng nuôi 02 con chung đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Đức A cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin nuôi con ghi ngày 07/3/2025 và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Đức A trình bày: Anh Nguyễn Đức A đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil. Anh Nguyễn Đức A và chị Nguyễn Thị Hồng T đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2014, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Anh Đức A và chị T đã kết hôn được 11 năm và có 02 con chung là Nguyễn Bảo T1 và Nguyễn Bảo N. Trong quá trình chung sống giữa anh Đức A và chị T có nảy sinh nhiều khúc mắc nên chị T đã đơn phương yêu cầu ly hôn, tuy không muốn nhưng vì anh Đức A đã biết chị T hết tình cảm với anh Đức A nên anh Đức A không níu giữ được chị T. Hiện nay anh Đức A và chị T đang sống ly thân. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Đức A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức A và chị Nguyễn Thị Hồng T có 02 con chung là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 30/5/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/02/2018. Anh Đức A có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Bảo T1 đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung và đồng ý giao con chung Nguyễn Bảo N cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Đức A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đức A vẫn vắng mặt tại 02 phiên họp và hòa giải không có lý do. Đồng thời

Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên anh Đức A tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đức A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn anh Nguyễn Đức A chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 72 BLTTDS, tuy nhiên Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao 02 con chung Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 30/5/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/02/2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh Đức A cấp dưỡng nuôi các con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị HĐXX giải quyết.

Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Đức A; anh Nguyễn Đức A có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Đức A không tham gia theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do. Do đó Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đức A heo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Đức A đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2014, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị T, năm 2014 chị T và anh Đức A kết hôn, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; thực tế hai bên đều xác nhận đang sống ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn, không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên chị T không còn tình cảm đối với anh Đức A, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Đức A có 02 con chung Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 30/5/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/02/2018.

Hiện nay 02 con chung Nguyễn Bảo T1 và Nguyễn Bảo N đang được chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại địa chỉ thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Chị T có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Đức A phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Các con chung Nguyễn Bảo T1 và Nguyễn Bảo N đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Hồng T (BL 27-28). Mặc dù anh Nguyễn Đức A

có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Bảo T1 nhưng anh Đức A không có mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung Nguyễn Bảo T1 cho anh Nguyễn Đức A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là không đảm bảo và không phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao 02 con chung Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 30/5/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/02/2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và cháu N, đồng thời đảm bảo cho việc học tập cũng như phát triển toàn diện của các con chung.

Chị Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu anh Nguyễn Đức A cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 19; 51; 56; 57; 58; 81; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 30/5/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/02/2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu anh Nguyễn Đức A cấp dưỡng nuôi các con chung.

Anh Nguyễn Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Buộc chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu toàn bộ, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006256 ngày 24/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đăk Mil;
- Chi cục THA huyện Đăk Mil;
- UBND xã Đức Mạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Ngô Thị Vân